TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Bà Trần Thị Phận

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Kim Hồ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Mỹ C, sinh năm 1985 (xin vắng)

ĐKHKTT: Tổ G, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: số Q ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Đặng Thị Bích P – Văn phòng luật sư Bích P và Cộng sự. (xin vắng)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ba B, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn B1 Buội tự tìm hiểu quen biết, yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2010. Đến năm 2014, anh chị đi đăng

ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 17/7/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên gây cãi. Bên cạnh đó là chồng nhưng anh Ba B không quan tâm chăm sóc vợ con, vì vậy vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị quyết định xin ly hôn với anh Ba B.

Về con chung: Chị và anh B1 Buội có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Phương A, sinh ngày 02/10/2010. Hiện chị đang nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ba B

Về con chung: chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Đoàn Phương A, sinh ngày 02/10/2010, không yêu cầu anh Ba B cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn B1 buội nhưng hết thời gian thông báo đương sự không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Đặng Thị Bích P1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có gởi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Đoàn Thị Mỹ C đề nghị như sau:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Mỹ C

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đoàn Phương A, sinh ngày 02/10/2010 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã triệu tập đến lần thứ hai.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đoàn Thị Mỹ C về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ba B; về con chung có 01 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị C xác định không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá

trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị Mỹ C, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn Ba B là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa chị Đoàn Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn Ba B không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Đoàn Thị Mỹ C không còn mong muốn cùng anh Nguyễn Văn Ba B xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã trình bày nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Mỹ C, cho chị Đoàn Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ba B.

[3.2]Về con chung: Cháu Nguyễn Đoàn Phương A, sinh ngày: 02/10/2010 chị chi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn Phương A, cháu Phương A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại cháu Nguyễn Đoàn Phương A có cuộc sống ổn định. Việc chị C yêu cầu nuôi cháu Phương A là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị Đoàn Thị Mỹ C không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ba B cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: chị Đoàn Thị Mỹ C phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn B1 Buội

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Phương A, sinh ngày: 02/10/2010 cho chị Đoàn Thị Mỹ C nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn B1 Buội chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đoàn Thị Mỹ C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Đoàn Thị Mỹ C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000059 ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị Đoàn Thị Mỹ C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai nguyên đơn xin vắng, vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Bình Tân;
-Chi cục THADS huyện Bình Tân;
-Các đương sự:
-Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương